

Số: 223/QĐ-UBND

Phường Trần Hưng Đạo, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện ngân sách quý III năm 2023 của Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố Hạ Long “V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023”;

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính kế toán Phường Trần Hưng Đạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện ngân sách quý III năm 2023 của UBND Phường Trần Hưng Đạo (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, bộ phận Tài chính Kế toán phường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T.H);
- UBND TP Hạ Long;
- Phòng Tài chính KT TP;
- Đảng ủy Phường;
- HĐND Phường;
- Các tổ chức CT-XH Phường;
- Khu trưởng các khu phố;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Trường

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ
III NĂM 2023***(Kèm theo Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND phường Trần Hưng Đạo)**ĐVT: Đồng*

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Thực hiện quý III	So sánh
				Dự toán
A	Dự toán thu ngân sách	7.566.100.000	6.735.317.976	89,02
I	Tổng thu ngân sách phường hưởng điều tiết	3.532.000.000	2.371.074.877	67,13
1	Thuế ngoài quốc doanh (VAT, TNDN)	700.000.000	442.591.044	63,23
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.250.000.000	294.591.071	23,57
3	Lệ phí môn bài	138.000.000	118.250.000	85,69
4	Thuế thu nhập cá nhân	203.000.000	333.738.575	164,40
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	889.000.000	891.734.187	100,31
6	Phí, lệ phí	180.000.000	101.978.000	56,65
7	Thu khác	172.000.000	188.192.000	109,41
II	Bổ sung từ NS Thành phố	4.034.100.000	2.801.000.000	69,43
1	Bổ sung cân đối	3.553.000.000	2.368.000.000	66,65
2	Thu bổ sung có mục tiêu	481.100.000	433.000.000	90,00
III	Thu chuyển nguồn		1.563.243.099	
B	Dự toán chi ngân sách	7.566.100.000	4.502.788.251	59,51
I	Chi thường xuyên	7.386.100.000	4.502.788.251	60,96
1	Chi công tác quốc phòng	359.000.000	266.965.697	74,36
2	Chi đảm bảo an ninh, phòng cháy, chữa cháy	323.000.000	215.444.780	66,70
3	Chi sự nghiệp giáo dục	405.100.000	395.440.000	97,62
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	35.000.000	3.200.000	9,14
5	Chi sự nghiệp truyền thanh	38.000.000	36.630.000	96,39

6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	55.000.000	15.500.000	28,18
7	Chi sự nghiệp kinh tế	75.000.000	74.973.600	99,96
8	Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	5.700.000.000	3.211.585.174	56,34
8,1	<i>Chi hoạt động Hội đồng nhân dân</i>	<i>459.600.000</i>	<i>174.842.000</i>	<i>38,04</i>
8,2	<i>Chi quản lý nhà nước</i>	<i>4.420.500.000</i>	<i>2.545.371.028</i>	<i>57,58</i>
8,3	<i>Chi hoạt động của Đảng</i>	<i>341.900.000</i>	<i>250.654.472</i>	<i>73,31</i>
8,4	<i>Chi hoạt động Mặt trận tổ quốc</i>	<i>203.000.000</i>	<i>49.264.852</i>	<i>24,27</i>
8,5	<i>Chi hoạt động Đoàn Thanh niên</i>	<i>91.000.000</i>	<i>62.398.316</i>	<i>68,57</i>
8,6	<i>Chi hoạt động Hội phụ nữ</i>	<i>108.000.000</i>	<i>82.587.206</i>	<i>76,47</i>
8,7	<i>Chi hoạt động Hội Cựu chiến binh</i>	<i>76.000.000</i>	<i>46.467.300</i>	<i>61,14</i>
9	Lương hưu và trợ cấp BHXH	83.300.000	62.514.000	75,05
10	Chi đảm bảo xã hội	175.700.000	117.191.000	66,70
11	Chi khác ngân sách	137.000.000	103.344.000	75,43
II	Dự phòng	42.000.000		-
III	Cải cách tiền lương	138.000.000		

